

Bản án số: 25/2018/DS-ST.

Ngày: 30/5/2018.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Út Mẫn**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Lê Thị Mỹ**

2. Ông Cao Trọng Mạnh

Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Bà Thị Thu Thủy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn TT (Sacombank)**; địa chỉ: Số 266- 268 N, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: **Bà Nguyễn Đức Thạch D**; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Lê Đình Th** sinh năm: 1983; theo văn bản ủy quyền số 219/GUQ-CNKG ngày 08 tháng 3 năm 2018; *(Có mặt)*.

2. Bị đơn: **Ông Phạm Minh K**, sinh năm: 1972 và **bà Nguyễn Thị Đ** sinh năm: 1973; địa chỉ: Số 78 đường Q, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2017 và bản tự khai của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Đình T trình bày:

Ngày 22/4/2014 Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT chi nhánh Kiên Giang - Phòng giao dịch S đã cùng ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ ký hợp đồng cho vay số LD 1411300022 cho ông K và bà Đ vay số tiền 75.000.000 đồng thời hạn vay 13 tháng, với lãi suất 1.25%/tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 23/5/2015; tài sản bảo đảm gồm: Thửa đất số 1937, tờ bản đồ số 28, loại đất trồng lúa, diện tích 3.120 m² tại ấp H 2, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 275095 do UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/4/2011 do ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ đứng tên, được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 23/4/2014. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến nay, ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ chỉ thanh toán cho Ngân hàng 17.172.000 đồng (Gồm: Nợ gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 7.172.000 đồng) thì không trả gốc cũng như đóng lãi theo thỏa thuận. Do ông K và bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 23/5/2015 Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 12/4/2017, ông K và bà Đ đã nợ tổng cộng gốc, lãi với số tiền là 99.911.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho nguyên đơn tiền vay vốn gốc 65.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/5/2018 là 45.078.125 đồng (Tiền lãi trong hạn là 30.052.083 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.026.042 đồng), tổng cộng là 110.078.125 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng; trường hợp ông K và bà Đ không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, hai lần thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K và bà Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ông K và bà Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT; buộc ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ trả cho Ngân hàng tiền gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn; trường hợp bị đơn không thanh toán tiền thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Đình T yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT khởi kiện yêu cầu ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ trả lại cho Ngân hàng tiền vay gốc, lãi là 99.991.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn đã xác định được địa chỉ số 78 đường Q, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ thanh toán cho Ngân hàng tiền vay vốn gốc 65.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/5/2018 là 45.078.125 đồng (Tiền lãi trong hạn là 30.052.083 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.026.042 đồng), tổng cộng là 110.078.125 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng; trường hợp ông K và bà Đ không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký.

[4] Xét giao dịch dân sự giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT với ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội; do đó, Hội đồng xét xử nhận định giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp.

Xét thấy các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, ông K và bà Đ đã được nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn ông K và bà Đ chỉ thanh toán cho nguyên đơn 10.000.000 đồng tiền vay vốn gốc, 7.172.000 đồng tiền lãi; khi đến kỳ hạn trả gốc, lãi nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó" nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đại diện nguyên đơn cho thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT với bị đơn là hoàn toàn có thật và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận. Do đó, đối chiếu quy định tại các Điều 471, 473, 474 và 476 Bộ luật dân sự 2005, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay vốn, để đảm bảo cho khoản tiền vay, bị đơn đã tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản ngày 23/4/2014. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã tuân thủ theo quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự 2005, có công chứng hợp pháp và được thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định; nội dung hợp đồng là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, theo đó các bên thỏa thuận trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả tiền, thì bên cho vay có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ và các khoản thu phí có liên quan. Đối chiếu quy định tại các Điều 343, 355 Bộ luật dân sự 2005 thì yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT tổng số tiền là 110.078.125 đồng (Trong đó: Tiền vay gốc là 65.000.000 đồng, tiền lãi 45.078.125 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm là phù hợp. Trường hợp ông K và bà Đ không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi quan Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 1937, tờ bản đồ số 28, loại

đất trồng lúa, diện tích 3.120 m², tại ấp H 2, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 275095 do UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/4/2011 do ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ đứng tên sử dụng; theo hợp đồng thế chấp ngày 23/4/2014, để thi hành án.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 110.078.125 đồng x 5% = 5.503.906 đồng; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.450.000 đồng.

[6] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều: 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT tổng số tiền là 110.078.125 đồng (Trong đó: Tiền vay gốc là 65.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/5/2018 là 45.078.125 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 30/5/2018), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu phía bị đơn không thanh toán tiền hoặc thanh toán không đầy đủ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thửa đất số 1937, tờ bản đồ số 28, loại đất trồng lúa, diện tích 3.120 m², tại ấp H 2, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 275095 do UBND huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp cho ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ ngày 26/4/2011; theo hợp đồng thế chấp ngày 23/4/2014, để thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Phạm Minh K và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 5.503.906 đồng; hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.450.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0009646 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Út Mẫn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ

Cao Trọng Mạnh

Huỳnh Thị Út Mẫn

